

Số: 33/2025/QĐST-DS

Tân An, ngày 26 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 145/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số B H, Phường C, TP., tỉnh Long An

Người đại diện theo ủy quyền của bà B là ông Trần Duy H, sinh năm 1975;
Địa chỉ: Số B H, Phường C, TP., tỉnh Long An

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1989

Địa chỉ: C, khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số C L, Phường H, quận T, TP.

3/ Bà Nguyễn Lê Tường V1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Chỗ ở hiện tại: Số A đường C, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V, bà V1 là ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1989. Địa chỉ: C khu phố C, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Văn phòng C;

Địa chỉ: Khu công nghiệp Cầu Tràm, ấp Cầu Tràm, huyện Cần Đước, tỉnh Long An

2. Văn phòng C1

Địa chỉ: Số F đường số F, KDC T, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đại diện nguyên đơn ông Trần Duy H và đại diện các bị đơn ông Nguyễn Tiến T cùng thống nhất các nội dung sau:

- Vô hiệu hợp đồng ủy quyền giữa bà Trần Thị V2 với ông Nguyễn Tiến T do Văn phòng C1 công chứng ngày 04/11/2022. Vô hiệu hợp đồng ủy quyền giữa ông Nguyễn Tiến T và bà Nguyễn Thị Thanh V do Văn phòng C1 công chứng ngày 05/11/2022.

- Vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Thanh V với bà Nguyễn Lê Tường V1 do Văn phòng C công chứng ngày 30/01/2024 đối với thửa đất số 383 (thửa cũ là 410), tờ bản đồ số 11 (tờ bản đồ cũ 3) tại xã B, thành phố T, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 421069 số vào sổ cấp giấy H 01148 do Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) tỉnh Long An cấp cho bà Trần Thị V2.

Các đương sự có quyền đến cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục điều chỉnh biến động hoặc đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

- Về số nợ: Bà Trần Thị B thừa nhận ngày 03/11/2022 bà Trần Thị V2 có vay của ông Nguyễn Tiến T số tiền 4.000.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng. Ngày 27/01/2024 bà V2 chết. Bà Trần Thị B là hàng thừa kế duy nhất của bà Trần Thị V2 đồng ý thanh toán cho ông Nguyễn Tiến T số tiền vay gốc 4.000.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/01/2024 đến ngày 17/02/2025, lãi suất 0.83%/tháng là 421.640.000đ, tổng cộng là 4.421.640.000đ.

Phương thức thanh toán từ nay đến hết ngày 31/8/2026 bà Trần Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Tiến T số tiền là 4.421.640.000đ (bốn tỷ bốn trăm hai mươi một triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá đo đạc thửa đất tranh chấp là 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng). Nguyên đơn đã nộp. Các bên thống nhất mỗi người chịu ½ chi phí này. Ông Nguyễn Tiến T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Trần Thị B số tiền chi phí tố tụng là 19.000.000đ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Nguyên đơn và các bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận bà Trần Thị B tự nguyện chịu số tiền án phí 56.210.820đ nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0001595 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An. Bà Trần Thị B có nghĩa vụ nộp tiếp số tiền án phí 55.910.820đ.

Đối với yêu cầu tranh chấp hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nguyên đơn và các bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận ông Nguyễn Tiến T tự nguyện chịu 450.000đ tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 56.733.000đ đã nộp theo biên lai số 0000738 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An. HI lại cho ông Nguyễn Tiến T số tiền 56.283.000đ án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

